



Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế

Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2012

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế
Thông tin về Công ty

Giấy phép Đầu tư số 270/GP ngày 16 tháng 11 năm 1991

Giấy chứng nhận Đầu tư số 472033000328 (điều chỉnh lần 1) ngày 28 tháng 11 năm 2007
472033000328 (điều chỉnh lần 2) ngày 20 tháng 5 năm 2010
472033000328 (điều chỉnh lần 3) ngày 22 tháng 4 năm 2011
472033000328 (điều chỉnh lần 4) ngày 18 tháng 10 năm 2011

Giấy phép đầu tư của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là giấy phép đầu tư số 270 CPH/GCNĐĐC3-BHK ngày 23 tháng 8 năm 2006. Giấy phép đầu tư và các điều chỉnh do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp và có giá trị trong 50 năm.

Giấy chứng nhận đầu tư do Ban Quản lý Khu Công nghiệp Tỉnh Đồng Nai cấp và có giá trị trong 50 năm kể từ ngày cấp giấy phép đầu tư.

Hội đồng Quản trị	Michio Nagabayashi	Chủ tịch
	Ryoichi Yonemura	Thành viên (đến ngày 12 tháng 4 năm 2012)
	Toru Yamasaki	Thành viên (từ ngày 12 tháng 4 năm 2012)
	Hiroshi Fujikawa	Thành viên
	Nguyễn Thị Kim Liên	Thành viên
	Pang Tze Wei	Thành viên

Ban Giám đốc	Michio Nagabayashi	Tổng Giám đốc
	Hajime Kobayashi	Giám đốc/Giám đốc Kế hoạch
	Kazufumi Nagashima	Giám đốc/Giám đốc Nhà máy
	Hidefumi Matsuo	Giám đốc/Giám đốc Hành chính
	Nguyễn Thị Kim Liên	Giám đốc/Giám đốc Tài chính
	Takaaki Suemitsu	Giám đốc/Giám đốc Bán hàng và Marketing (từ ngày 15 tháng 8 năm 2012)

Trụ sở đăng ký Lô 13, Khu Công nghiệp Tam Phước
Thành phố Biên Hòa
Tỉnh Đồng Nai
Việt Nam

Công ty kiểm toán Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 4 đến trang 35 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính chưa hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ chưa hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng này.

Thay mặt Ban Giám đốc



Michio Nagabayashi

Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2013

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế**

Phạm vi kiểm toán

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế (“Công ty”) tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 29 tháng 3 năm 2013, được trình bày từ trang 4 đến 35. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và báo cáo kiểm toán phát hành ngày 24 tháng 3 năm 2012 trình bày ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để có được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và thuyết minh trong báo cáo tài chính. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc, cũng như việc đánh giá cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

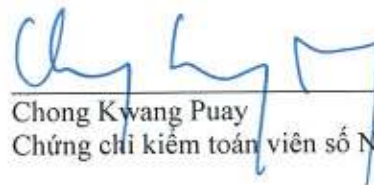
Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính chưa hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ chưa hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Giấy Chứng nhận Đầu tư số: 011043000345
Báo cáo kiểm toán: 12-01-204



Nguyễn Thanh Nghị
Chứng chỉ kiểm toán viên số 0304/KTV
Phó Tổng Giám đốc



Chong Kwang Puay
Chứng chỉ kiểm toán viên số N0864/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2013

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 01 – DN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012 USD	31/12/2011 USD
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	100		18.952.408	17.702.792
Tiền	110	4	3.919.865	1.966.861
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	5	7.426.994	8.985.798
Phải thu khách hàng	131		718.217	416.546
Trả trước cho người bán	132		145.729	226.336
Phải thu nội bộ	133		6.313.945	8.338.485
Các khoản phải thu khác	135		249.103	4.431
Hàng tồn kho	140	6	7.569.129	6.598.018
Hàng tồn kho	141		7.880.042	6.598.018
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(310.913)	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		36.420	152.115
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		611	3.323
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		-	106.907
Tài sản ngắn hạn khác	158		35.809	41.885
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 250 + 260)	200		15.399.009	18.418.110
Các khoản phải thu dài hạn	210	5	1.200.000	-
Phải thu dài hạn nội bộ	213		1.200.000	-
Tài sản cố định	220		9.429.203	11.863.783
Tài sản cố định hữu hình	221	7	9.025.985	11.523.109
<i>Nguyên giá</i>	222		18.241.433	23.553.248
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(9.215.448)	(12.030.139)
Xây dựng cơ bản dở dang	230	8	403.218	340.674
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	9	4.520.156	4.500.000
Đầu tư vào công ty con	251		4.520.156	4.500.000
Tài sản dài hạn khác	260		249.650	2.054.327
Chi phí trả trước dài hạn	261	10	176.923	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	11	-	2.054.327
Tài sản dài hạn khác	268		72.727	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		34.351.417	36.120.902

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012 USD	31/12/2011 USD (Điều chỉnh lại)
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		32.480.372	27.872.047
Nợ ngắn hạn	310		22.399.105	24.234.562
Vay ngắn hạn	311	12	17.500.000	19.000.000
Phải trả người bán	312	13	3.188.312	3.102.650
Người mua trả tiền trước	313		314.620	151.256
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	120.805	136.574
Phải trả người lao động	315		404.347	336.314
Chi phí phải trả	316	15	814.123	414.678
Các khoản phải trả khác	319	16	56.898	1.093.090
Vay và nợ dài hạn	330		10.081.267	3.637.485
Phải trả dài hạn khác	333		1.255	1.255
Vay dài hạn	334	17	9.930.928	3.430.928
Dự phòng trợ cấp thôi việc	337	18	149.084	205.302
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		1.871.045	8.248.855
Vốn chủ sở hữu	410	19	1.871.045	8.248.855
Vốn cổ phần	411	20	18.313.995	18.313.995
Thặng dư vốn cổ phần	412		4.082.759	4.082.759
Lỗi lũy kế	420		(20.525.709)	(14.147.899)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		34.351.417	36.120.902

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2012 USD	31/12/2011 USD
Ngoại tệ (VND)	2.313.558	259.608

Ngày 29 tháng 3 năm 2013

Người lập:



Nguyễn Hồng Phong
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Michio Nagabayashi
Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12
năm 2012

Mẫu B 02 – DN

	Mã số	Thuyết minh	2012 USD	2011 USD
Tổng doanh thu	01	21	42.221.145	43.888.800
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	21	1.228.866	1.148.305
Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10	21	40.992.279	42.740.495
Giá vốn hàng bán	11	22	32.334.794	36.255.137
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		8.657.485	6.485.358
Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	193.387	1.934.318
Chi phí tài chính	22	24	458.326	2.507.506
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		379.403	1.366.496
Chi phí bán hàng	24		10.326.627	7.146.315
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		1.369.566	1.622.376
Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		(3.303.647)	(2.856.521)
Thu nhập khác	31	25	1.246.318	116.998
Chi phí khác	32	26	2.066.953	539.290
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(820.635)	(422.292)
Lỗ trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(4.124.282)	(3.278.813)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	199.201	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	27	2.054.327	80.723
Lỗ sau thuế (60 = 50 - 51 - 52)	60		(6.377.810)	(3.359.536)

Ngày 29 tháng 3 năm 2013

Người lập:



Nguyễn Hồng Phong
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Michio Nagabayashi
Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN

	Mã số	Thuyết minh	2012 USD	2011 USD
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lỗ trước thuế	01		(4.124.282)	(3.278.813)
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		1.516.389	1.522.395
Các khoản dự phòng	03		360.063	(170.987)
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	(3.559)
Lỗ từ thanh lý tài sản cố định	05		1.370.401	70.029
Thu nhập lãi tiền gửi	05		(164.098)	(521.910)
Chi phí lãi vay	06		379.403	1.366.496
Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		(662.124)	(1.016.349)
Biến động các khoản phải thu	09		1.800.522	(1.219.490)
Biến động hàng tồn kho	10		(1.282.024)	1.030.789
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		258.198	(933.389)
Biến động chi phí trả trước	12		(174.211)	3.340
			(59.639)	(2.135.099)
Tiền lãi vay đã trả	13		(205.489)	(1.273.666)
Thuế thu nhập đã nộp	14		(92.294)	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(72.727)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20		(430.149)	(3.408.765)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(452.210)	(275.531)
Tiền chi mua các công cụ nợ của công ty con	23		(1.184.890)	-
Thu lãi tiền gửi	27		20.253	10.522
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30		(1.616.847)	(265.009)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN

	Mã số	Thuyết minh	2012 USD	2011 USD
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Thu từ vay ngắn hạn	33		4.000.000	44.717.957
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	(39.195.053)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40		4.000.000	5.522.904
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		1.953.004	1.849.130
Tiền đầu năm	60		1.966.861	117.731
Tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	4	3.919.865	1.966.861

CÁC GIAO DỊCH PHI TIỀN TỆ TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ VÀ TÀI CHÍNH

	2012 USD	2011 USD
Chuyển từ phải trả khác sang vay ngắn hạn	1.000.000	-
Cần trừ các khoản phải thu nội bộ với các khoản thanh toán nợ vay và lãi vay từ công ty con	2.009.430	-
Đầu tư vào công ty con nhưng chưa thanh toán	20.156	-

Ngày 29 tháng 3 năm 2013

Người lập:


 Nguyễn Hồng Phong
 Kế toán trưởng

Người duyệt:


 Michio Nagabayashi
 Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 09 – DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Các hoạt động chính của Công ty là chế biến nông sản và thủy sản thành sản phẩm đóng hộp, sấy khô, ướp đông, ướp muối và ngâm dấm; sản xuất bánh quy, thức ăn nhẹ, nước ép trái cây có gas và nước ép trái cây có nồng độ cồn thấp dưới 5%, nước tinh lọc đóng chai và chai nhựa PET; và sản xuất bao bì dùng cho thực phẩm và nước giải khát.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép Niêm yết Số 61/UBCK-GPNY do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ban hành ngày 29 tháng 9 năm 2006.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty có 1.196 nhân viên (31/12/2011: 674 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Báo cáo về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Giả định hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính riêng được lập trên cơ sở hoạt động liên tục. Lỗ thuần sau thuế trong năm của Công ty là 6.377.810 USD (2011: 3.359.536 USD) và tại ngày lập bảng cân đối kế toán, nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 3.446.697 USD (31/12/2011: 6.531.770 USD). Hơn nữa, Công ty có các khoản vay đáng kể cần tái tài trợ trong vòng 12 tháng kế tiếp (thuyết minh 12). Giá trị của giả định hoạt động liên tục sử dụng trong việc lập báo cáo tài chính này cơ bản tùy thuộc vào việc cổ đông chính cao nhất tiếp tục cung cấp các hỗ trợ tài chính cần thiết nhằm giúp Công ty có thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn và duy trì sự tồn tại và hoạt động liên tục của Công ty trong một tương lai có thể dự kiến trước được.

Tại thời điểm lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc tin rằng cổ đông chính cao nhất sẽ không tiếp tục sự hỗ trợ của họ.

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(d) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(e) Đơn vị tiền tệ kế toán

Công ty duy trì đơn vị tiền tệ kế toán là đồng Đô la Mỹ (“USD”) và trình bày các báo cáo tài chính bằng USD theo sự phê duyệt của Bộ Tài chính trong Công văn Số 550 TC/CDKT ngày 5 tháng 9 năm 1998.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

(a) Ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác USD được quy đổi sang USD theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác USD trong năm được quy đổi sang USD theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

(c) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn nguyên giá hoặc nếu công ty nhận đầu tư bị lỗ. Dự phòng được hoàn nhập nếu việc tăng giá trị có thể thu hồi sau đó có thể liên hệ một cách khách quan tới một sự kiện phát sinh sau khi khoản dự phòng này được lập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- | | |
|--------------------------|-------------|
| ▪ máy móc và thiết bị | 10 – 15 năm |
| ▪ phương tiện vận chuyển | 6 năm |
| ▪ thiết bị văn phòng | 10 năm |

(g) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(h) Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa được phản ánh theo nguyên giá ban đầu và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm kể từ ngày hoàn thành sửa chữa.

(i) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(j) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Công ty.

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Công ty không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2012 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

(k) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích cung cấp các thông tin thuyết minh về mức trọng yếu của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tính chất và phạm vi rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được phân ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm phân ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm phân ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm phân ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản sẵn sàng để bán

Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

- các tài sản tài chính phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và các khoản phải thu.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, được phân loại là các khoản vay và phải thu.

(ii) *Nợ phải trả tài chính*

Nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính phản ánh được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
 - được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán và các khoản phải trả, phải nộp khác được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(l) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(m) Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(n) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(o) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(p) Các công ty liên quan

Các bên được xem là bên liên quan nếu một bên có khả năng, trực tiếp hay gián tiếp, kiểm soát bên kia hay có ảnh hưởng đáng kể đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động kinh doanh. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu các bên cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

4. Tiền

	31/12/2012 USD	31/12/2011 USD
Tiền mặt	5.066	9.014
Tiền gửi ngân hàng	3.914.799	1.957.847
	3.919.865	1.966.861

5. Các khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn

Các khoản phải thu nội bộ bao gồm:

	31/12/2012 USD	31/12/2011 USD
Phải thu ngắn hạn		
Khoản vay ngắn hạn cấp cho công ty liên quan (a)	6.313.945	8.198.121
Phải thu khác	-	140.364
	6.313.945	8.338.485
Phải thu dài hạn		
Khoản vay dài hạn cấp cho công ty liên quan (b)	1.200.000	-

- (a) Khoản phải thu từ công ty liên quan thể hiện khoản vay ngắn hạn phải thu từ Công ty Cổ phần Avafood (“Avafood”), một công ty con.

Khoản vay ngắn hạn cấp cho Avafood có hạn mức tín dụng là 7 triệu USD không được đảm bảo và hưởng lãi suất năm là Libor + 1%. Lãi suất năm áp dụng trong năm dao động từ 1,731% đến 1,896% (năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011: 1,732%/năm cho các khoản vay bằng USD).

- (b) Khoản vay dài hạn cấp cho công ty liên quan phản ánh khoản cho vay dài hạn cho Avafood, khoản vay này không được đảm bảo và hưởng lãi suất năm cố định là 1,896% trong năm. Khoản nợ gốc và các khoản lãi vay phát sinh sẽ đến hạn vào tháng 5 năm 2017.

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

Các khoản phải thu khác bao gồm:

	31/12/2012 USD	31/12/2011 USD
Phải thu từ hỗ trợ các hoạt động bán hàng bởi Kirin Holdings Singapore Pte, Ltd. (c)	244.256	-
Phải thu khác	4.847	4.431
	249.103	4.431

- (c) Khoản phải thu này trình bày khoản hỗ trợ tài chính cho các hoạt động bán hàng của Kirin Holdings Singapore Pte, Ltd., một công ty liên quan, khoản phải thu này dự kiến sẽ nhận được trong năm 2013.

6. Hàng tồn kho

	31/12/2012 USD	31/12/2011 USD
Nguyên vật liệu	3.060.389	1.874.081
Công cụ và dụng cụ	419.023	410.135
Sản phẩm dở dang	211.879	618.363
Thành phẩm	4.188.751	3.695.439
	7.880.042	6.598.018
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(310.913)	-
	7.569.129	6.598.018

Số dư cuối năm của dự phòng giảm giá hàng tồn kho phản ánh khoản dự phòng được lập trong năm.

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

7. Tài sản cố định hữu hình

	Máy móc và thiết bị USD	Phương tiện vận chuyển USD	Thiết bị văn phòng USD	Tổng cộng USD
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	22.829.655	501.033	222.560	23.553.248
Tăng trong năm	188.786	147.588	53.292	389.666
Xóa sổ	(5.422.391)	(207.184)	(71.906)	(5.701.481)
Số dư cuối năm	17.596.050	441.437	203.946	18.241.433
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	11.455.448	441.581	133.110	12.030.139
Khấu hao trong năm	1.459.092	34.810	22.487	1.516.389
Xóa sổ	(4.059.790)	(207.016)	(64.274)	(4.331.080)
Số dư cuối năm	8.854.750	269.375	91.323	9.215.448
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	11.374.207	59.452	89.450	11.523.109
Số dư cuối năm	8.741.300	172.062	112.623	9.025.985

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 có các tài sản có nguyên giá 789.083 USD đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (31/12/2011: 1.491.711 USD).

Giá trị còn lại của một số thiết bị tạm thời không sử dụng trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 104.552 USD (31/12/2011: 1.566.524 USD).

8. Xây dựng cơ bản dở dang

	2012 USD	2011 USD
Số dư đầu năm	340.674	188.896
Tăng trong năm	62.544	151.778
Số dư cuối năm	403.218	340.674

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

9. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào công ty con phản ánh khoản đầu tư 90,4% vốn cổ phần vào Công ty Cổ phần Avafood (“Avafood”), một công ty có các hoạt động chính là cung cấp dịch vụ gia công, sản xuất thực phẩm chế biến gồm nước trái cây giải khát, nước uống tinh khiết, bánh mứt, bánh kẹo các loại, các loại sản phẩm chế biến từ nông sản, thủy hải sản, gia cầm và cho thuê nhà xưởng theo Giấy phép Đầu tư số 48/GP-ĐN do Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 19 tháng 7 năm 2002.

Vào tháng 7 đến tháng 12 năm 2012, Công ty mua thêm 0,4% cổ phần trong Avafood tương đương 20.156 USD, tăng tỷ lệ sở hữu vốn trong Avafood từ 90% lên 90,4%.

10. Chi phí trả trước dài hạn

	2012 USD
Số dư đầu năm	-
Tăng trong năm	206.954
Phân bổ trong năm	(30.031)
	<hr/>
Số dư cuối năm	176.923
	<hr/>

11. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	31/12/2012		31/12/2011	
	Chênh lệch	Giá trị	Chênh lệch	Giá trị
	tạm thời	tính thuế	tạm thời	tính thuế
	USD	USD	USD	USD
Các chênh lệch tạm thời được khấu trừ	2.332.805	583.201	519.545	129.886
Lỗi tính thuế	3.827.710	956.928	6.540.512	1.635.128
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	6.160.515	1.540.129	7.060.057	1.765.014
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

Lỗ tính thuế hết hiệu lực vào các năm sau:

Năm hết hiệu lực	Tình hình quyết toán	Số lỗ được khấu trừ USD
2013	Đã quyết toán	406.742
2016	Chưa quyết toán	2.860.716
2017	Chưa quyết toán	560.252
		3.827.710

Trong năm, thuế tạm tính của Công ty cho năm 2007, 2008 và 2009 đã được Cơ quan Thuế soát xét và quyết toán. Dựa trên đánh giá được Cơ quan Thuế đưa ra thì lỗ tính thuế của Công ty trong các năm trước phải được điều chỉnh giảm đi 11,5 triệu USD. Hàng năm, Công ty đều đánh giá các biến động có thể ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động dự kiến và lợi nhuận tính thuế dự kiến từ hoạt động kinh doanh của Công ty.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận đối với các khoản mục này bởi vì không có sự chắc chắn rằng sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để Công ty có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục đó.

12. Vay ngắn hạn

	31/12/2012 USD	31/12/2011 USD
Khoản vay từ Kirin Holdings Company, Limited	17.500.000	19.000.000

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn không được đảm bảo hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất danh nghĩa	31/12/2012 USD	31/12/2011 USD
Khoản vay 1	USD	LIBOR + 0,8%/năm	7.000.000	7.000.000
Khoản vay 2	USD	LIBOR + 0,8%/năm	2.500.000	2.500.000
Khoản vay 3	USD	LIBOR + 0,8%/năm	3.000.000	3.000.000
Khoản vay 4	USD	LIBOR + 0,8%/năm	-	6.500.000
Khoản vay 5	USD	LIBOR + 0,8%/năm	5.000.000	-
			17.500.000	19.000.000

Trong năm, lãi suất năm áp dụng cho các khoản vay này dao động từ 1,456% đến 1,928% (năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011: từ 1,425% đến 1,749%).

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

13. Phải trả người bán

Trong phải trả người bán có các khoản phải trả các công ty liên quan như sau:

	31/12/2012 USD	31/12/2011 USD
Phải trả Công ty TNHH Nước giải khát Kirin Việt Nam	152.503	-
Phải trả các bên liên quan khác	-	1.206.409
	<hr/>	<hr/>

Khoản phải trả Công ty TNHH Nước giải khát Kirin Việt Nam là phí gia công phải trả, khoản phải trả này không được đảm bảo, không chịu lãi và hoàn trả khi có yêu cầu.

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2012 USD	31/12/2011 USD
Thuế giá trị gia tăng	75.866	98.116
Thuế xuất nhập khẩu	28.407	-
Thuế thu nhập cá nhân	11.714	19.729
Thuế nhà thầu nước ngoài	4.818	18.729
	<hr/>	<hr/>
	120.805	136.574
	<hr/>	<hr/>

15. Chi phí phải trả

	31/12/2012 USD	31/12/2011 USD
Phí vận chuyển	182.550	143.072
Chiết khấu và hoa hồng bán hàng	97.071	46.724
Lãi vay phải trả	266.744	92.830
Phí biệt phái nhân sự phải trả (*)	241.092	94.838
Chi phí khác	26.666	37.214
	<hr/>	<hr/>
	814.123	414.678
	<hr/>	<hr/>

(*) Theo Hợp đồng Biệt phái nhân sự ngày 1 tháng 7 năm 2011, Công ty đã đồng ý trả phí biệt phái nhân sự cho Kirin Holdings Company, Limited, là đơn vị đã cung cấp tư vấn quản trị và chiến lược, và hỗ trợ Công ty với một mức phí cố định được quy định trong hợp đồng với từng nhân sự được biệt phái.

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

16. Các khoản phải trả khác

Khoản phải trả khác bao gồm:

	31/12/2012 USD	31/12/2011 USD
Cổ tức phải trả	24.265	24.265
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế	7.885	8.002
Phải trả các công ty liên quan	-	1.031.901
Phải trả khác	24.748	28.922
	56.898	1.093.090

Trong các khoản phải trả khác có các khoản phải trả các công ty liên quan như sau:

	31/12/2012 USD	31/12/2011 USD
Phải trả Kirin Holdings Company, Limited (*)	-	1.000.000
Phải trả Wonderfarm Biscuits & Confectionery Sdn. Bhd.	-	31.901

(*) Trong năm, khoản phải trả này đã được chuyển thành khoản vay ngắn hạn theo hợp đồng vay ngày 27 tháng 11 năm 2011 (thuyết minh số 12).

17. Vay dài hạn

	Loại tiền	Lãi suất	Năm đáo hạn	31/12/2012 USD	31/12/2011 USD
Khoản vay từ Trade Ocean Holdings Sdn. Bhd. (a)	USD	lãi suất SIBOR 3 tháng – 1% /năm	2014	3.430.928	3.430.928
Khoản vay không đảm bảo từ Kirin Holdings Company, Limited (b)	USD	1,896% /năm	2017	6.500.000	-
				9.930.928	3.430.928

(a) Khoản vay này không được đảm bảo và chịu lãi suất 0% trong năm vì lãi suất SIBOR 3 tháng trừ 1% là số âm (năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011: 0%).

(b) Khoản vay không được đảm bảo này chịu lãi suất cố định 1,896%/năm, là lãi suất được xác định dựa trên cơ sở lãi suất USD Swap Semi 30/360 5-năm cộng 0,8% theo nguyên tắc tài chính hiện tại của Tập đoàn Kirin.

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

18. Dự phòng trợ cấp thôi việc

Biến động dự phòng trợ cấp thôi việc trong năm như sau:

	2012 USD
Số dư đầu năm – điều chỉnh lại (thuyết minh 33)	205.302
Dự phòng lập trong năm	49.150
Dự phòng sử dụng trong năm	(105.368)
	<hr/>
Số dư cuối năm	149.084
	<hr/>

Trong năm, Công ty đã đóng góp 33.670 USD (năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011: 19.773 USD) vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp và khoản này được ghi nhận vào chi phí nhân công trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

19. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần USD	Thặng dư vốn cổ phần USD	Lỗ lũy kế USD	Tổng cộng USD
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 – đã báo cáo trước đây	18.313.995	4.082.759	(10.705.863)	11.690.891
Ảnh hưởng của điều chỉnh năm trước (thuyết minh 33)	-	-	(82.500)	(82.500)
			<hr/>	
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 –điều chỉnh lại	18.313.995	4.082.759	(10.788.363)	11.608.391
Lỗ thuần trong năm	-	-	(3.359.536)	(3.359.536)
			<hr/>	
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 –điều chỉnh lại	18.313.995	4.082.759	(14.147.899)	8.248.855
Lỗ thuần trong năm	-	-	(6.377.810)	(6.377.810)
			<hr/>	
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	18.313.995	4.082.759	(20.525.709)	1.871.045
			<hr/>	

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

20. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2012		31/12/2011	
	Số cổ phiếu	USD	Số cổ phiếu	USD
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	29.140.992	18.314.000	29.140.992	18.314.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	29.140.984	18.313.995	29.140.984	18.313.995

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có bất kỳ khoản biến động vốn cổ phần nào trong năm.

21. Doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm

	2012 USD	2011 USD
Tổng doanh thu		
▪ Doanh thu từ nước giải khát	38.216.313	38.504.811
▪ Doanh thu từ bánh quy	1.434.039	1.463.591
▪ Doanh thu từ các sản phẩm khác	2.570.793	3.920.398
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Giảm giá hàng bán	1.208.957	1.127.533
▪ Hàng bán bị trả lại	19.909	20.772
Doanh thu thuần	40.992.279	42.740.495

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

22. Giá vốn hàng bán

	2012	2011
	USD	USD
Tổng giá vốn hàng bán		
▪ Giá vốn của nước giải khát	28.993.609	30.550.856
▪ Giá vốn của bánh quy	1.526.867	1.492.931
▪ Giá vốn của các sản phẩm khác	1.814.318	4.211.350
	<hr/>	<hr/>
	32.334.794	36.255.137
	<hr/>	<hr/>

23. Doanh thu hoạt động tài chính

	2012	2011
	USD	USD
Thu nhập lãi tiền gửi	20.253	10.522
Thu nhập lãi vay từ khoản vay cấp cho Avafood	143.845	511.388
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	29.289	1.408.849
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	3.559
	<hr/>	<hr/>
	193.387	1.934.318
	<hr/>	<hr/>

24. Chi phí tài chính

	2012	2011
	USD	USD
Chi phí lãi vay	379.403	1.366.496
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	78.923	1.133.131
Chi phí tài chính khác	-	7.879
	<hr/>	<hr/>
	458.326	2.507.506
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

25. Thu nhập khác

	2012	2011
	USD	USD
Khoản hỗ trợ cho các hoạt động bán hàng nhận từ Kirin Holdings Singapore Pte, Ltd. (thuyết minh số 5)	491.870	-
Khoản hỗ trợ nhận được cho khoản trả phạt thuế	481.372	-
Thu nhập khác	273.076	116.998
	<hr/>	<hr/>
	1.246.318	116.998
	<hr/>	<hr/>

26. Chi phí khác

	2012	2011
	USD	USD
Giá trị ghi sổ tài sản cố định hữu hình đã xóa sổ	1.370.401	70.029
Các khoản phạt về thuế	365.151	86.626
Khấu hao tài sản cố định hữu hình tạm thời không sử dụng	300.321	313.138
Chi phí khác	31.080	69.497
	<hr/>	<hr/>
	2.066.953	539.290
	<hr/>	<hr/>

27. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2012	2011
	USD	USD
Chi phí thuế hiện hành		
Dự phòng thiếu trong những năm trước	199.201	-
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Ghi giảm tài sản thuế thu nhập hoãn lại	2.054.327	80.723
	<hr/>	<hr/>
Chi phí thuế thu nhập	2.253.528	80.723
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN****(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	2012	2011
	USD	USD
Lỗ trước thuế	(4.124.282)	(3.278.813)
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	(1.031.071)	(819.703)
Chi phí không được khấu trừ thuế	437.693	102.177
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận	593.378	717.526
Ghi giảm tài sản thuế thu nhập hoãn lại	2.054.327	80.723
Dự phòng thiếu trong những năm trước	199.201	-
	2.253.528	80.723

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Giấy chứng nhận Đầu tư, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 15% trên lợi nhuận tính thuế trong 12 năm đầu tính từ năm hoạt động đầu tiên (1994). Do đó, từ năm 2006 trở đi Công ty phải đóng thuế thu nhập theo thuế suất là 25%.

Theo Nghị định số 24/2007/ND-CP ngày 14 tháng 2 năm 2007 (Nghị định này thay cho Nghị định số 164/2003/ND-CP ngày 22 tháng 12 năm 2003), Công ty được hưởng ưu đãi thuế do việc dời địa điểm hoạt động kinh doanh về khu vực ngoại ô. Trong năm 2006, Công ty đã dời một trong các dây chuyền sản xuất của Công ty từ Thành phố Biên Hòa ra Khu Công nghiệp Tam Phước, thành phố Biên Hòa. Theo đó, lợi nhuận phát sinh từ dây chuyền sản xuất này sẽ được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm và giảm 50% trong 6 năm tiếp theo. Cũng theo Nghị định này, Công ty được hưởng ưu đãi thuế đối với các khoản đầu tư vào dây chuyền sản xuất mới đủ điều kiện của Nghị định này. Khoản ưu đãi thuế này bao gồm một năm miễn thuế thu nhập doanh nghiệp và giảm 50% trong 4 năm tiếp theo áp dụng cho lợi nhuận của dây chuyền sản xuất mới này.

Theo Nghị định số 124/2008/ND-CP ngày 11 tháng 12 năm 2008 (Nghị định này thay cho nghị định số 24/2007/ND-CP ngày 14 tháng 2 năm 2007) và Nghị định 122/2011ND-CP ngày 27 tháng 12 năm 2012 (cung cấp một số điều chỉnh đối với Nghị định hiện hành số 124/2008/ND-CP), Công ty sẽ tiếp tục được hưởng ưu đãi thuế theo Nghị định số 24/2007/ND-CP ngày 14 tháng 2 năm 2007.

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

28. Các công cụ tài chính

(a) Quản lý rủi ro tài chính

(i) Tổng quan

Các loại rủi ro tài chính mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình là:

- rủi ro tín dụng
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Khung quản lý rủi ro

Ban Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Công ty. Ban Giám đốc có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Công ty.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Công ty nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng.

(i) Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Thuyết minh	31/12/2012 USD	31/12/2011 USD
Tiền gửi ngân hàng	(ii)	3.914.799	1.957.847
Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác	(iii)	7.281.265	8.759.462
Vay dài hạn phải thu	(iv)	1.200.000	-
		<hr/>	<hr/>
		12.396.064	10.717.309

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(ii) Tiền gửi ngân hàng

Tiền gửi ngân hàng của Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

(iii) Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác

Giá trị ghi sổ của các khoản phải thu phản ánh rủi ro tín dụng tối đa liên quan đến các khoản phải thu.

Rủi ro tín dụng của Công ty liên quan đến khoản phải thu chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, Công ty đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó hầu hết các khách hàng phải thực hiện thanh toán trước khi hàng hóa được giao. Chỉ những khách hàng được xem là có độ tin cậy cao mới được Ban Giám đốc cấp hạn mức tín dụng. Khoản phải thu đáo hạn trong vòng 30 đến 45 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn. Khách hàng có số dư phải thu quá hạn được yêu cầu phải thanh toán số dư này và Ban Giám đốc sẽ thực hiện việc đánh giá trước khi các khách hàng này được tiếp tục mua trả chậm. Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào từ các khách hàng.

Dựa trên tỷ lệ thực tế không thu được nợ từ các năm trước, Công ty tin rằng, không cần thiết phải lập dự phòng nợ khó đòi cho các khoản phải thu thương mại và phải thu khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Tuổi nợ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác đã quá hạn nhưng vẫn có thể thu hồi được tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2012 USD	31/12/2011 USD
Quá hạn từ 0 – 30 ngày	166.427	105.435
Quá hạn từ 31 – 180 ngày	148.392	47.337
Quá hạn trên 180 ngày	38.705	4.109
	353.524	156.881

(iv) Khoản vay và phải thu khác từ công ty con

Công ty tin rằng các khoản phải thu từ công ty con sẽ được thu đầy đủ thông qua các giao dịch mua bán với công ty con.

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện khó khăn về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty. Công ty cũng quản lý các khoản vay từ các công ty liên quan bằng cách quản lý các điều khoản tài chính với các công ty liên quan.

Các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

	Giá trị ghi sổ USD	Dòng tiền theo hợp đồng USD	Trong vòng 1 năm USD	1 – 2 năm USD	2 – 5 năm USD
Các khoản phải trả người bán và phải trả khác	4.463.680	4.463.680	4.463.680	-	-
Vay ngắn hạn	17.500.000	17.677.950	17.677.950	-	-
Vay dài hạn	9.930.928	10.468.458	3.554.506	123.578	6.790.374
	31.894.608	32.610.088	25.696.136	123.578	6.790.374

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

	Giá trị ghi sổ USD	Dòng tiền theo hợp đồng USD	Trong vòng 1 năm USD	1 – 2 năm USD	2 – 5 năm USD
Các khoản phải trả người bán và phải trả khác	4.946.732	4.946.732	4.946.732	-	-
Vay ngắn hạn	19.000.000	19.145.201	19.145.201	-	-
Vay dài hạn	3.430.928	3.430.928	-	3.430.928	-
	27.377.660	27.522.861	24.091.933	3.430.928	-

Công ty quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách duy trì một số hạn mức tín dụng như sau:

- Hạn mức vay ngắn hạn chưa sử dụng 10 triệu USD được tự động gia hạn theo lựa chọn của Công ty. Lãi vay phải trả hàng năm là Libor + 0,8%.

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

(d) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến thu nhập của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) Rủi ro hối đoái

Công ty có rủi ro hối đoái từ các giao dịch mua và bán bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty. Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là VND.

Rủi ro hối đoái của Công ty được quản lý bằng cách giữ mức rủi ro ở mức có thể chấp nhận được thông qua việc mua hoặc bán ngoại tệ để xử lý việc mức rủi ro hối đoái ngắn hạn vượt mức cho phép.

Ảnh hưởng của rủi ro hối đoái

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty có các khoản tài sản tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro hối đoái. Các số dư sau đây được trình bày bằng đơn vị tiền tệ gốc:

	31/12/2012 VND'000	31/12/2011 VND'000
Tiền	48.157.077	5.406.899
Phải thu khách hàng	11.653.021	7.218.162
Phải thu nội bộ	131.506.846	173.673.966
Khoản vay dài hạn cấp cho công ty liên quan	24.993.600	-
Phải trả người bán	(62.606.200)	(62.172.268)
Các khoản phải thu khác	100.953	83.888
Ký quỹ ngắn hạn	279.344	675.578
Ký quỹ dài hạn	1.514.758	-
Phải trả người lao động	(6.914.479)	(7.003.721)
Phải trả khác	(1.089.428)	(1.247.783)
	<hr/>	<hr/>
	147.595.492	116.634.721
	<hr/>	<hr/>

Sau đây là những tỷ giá hối đoái chính được Công ty áp dụng:

	Tỷ giá tại ngày	
	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
1 USD	20.828	20.828

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lỗ thuần của Công ty sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2012. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất, và bỏ qua ảnh hưởng của các dự báo bán hàng và mua sắm.

	Giảm lỗ thuần USD
Ngày 31 tháng 12 năm 2012 VND (yếu đi 1%)	53.148
Ngày 31 tháng 12 năm 2011 VND (yếu đi 9%)	382.325

Biến động ngược lại của tỷ giá các đồng tiền có thể có cùng mức độ tác động nhưng ngược chiều đối với lỗ thuần của Công ty.

(ii) Rủi ro lãi suất

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Công ty như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2012 USD	31/12/2011 USD
Các công cụ tài chính có lãi suất cố định		
Tài sản tài chính	1.200.000	-
Nợ phải trả tài chính	(6.500.000)	-
	<u>(5.300.000)</u>	-
Các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi		
Tài sản tài chính	10.228.744	10.296.332
Nợ phải trả tài chính	(20.930.928)	(22.430.928)
	<u>(10.702.184)</u>	<u>(12.134.596)</u>

Mỗi thay đổi 100 điểm cơ bản sẽ làm tăng 80.266 USD lỗ thuần của Công ty (2011: 91.009 USD). Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là tỷ giá hối đoái.

Công ty không có chính sách gì để giảm nhẹ tính bất ổn tiềm tàng của lãi suất.

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(e) Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính theo Điều 28 của Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 do (i) các khoản tài sản và nợ phải trả tài chính này vẫn chưa có giá niêm yết trên thị trường; và (ii) các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Hệ thống Kế toán Việt Nam không đưa ra hướng dẫn cụ thể nào về phương pháp xác định giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá niêm yết trên thị trường. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

29. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng, trong năm Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2012 USD	2011 USD
<i>Các cổ đông</i>		
Trade Ocean Holdings Sdn. Bhd.		
Công ty mẹ		
Vay dài hạn	-	3.430.928
<i>Các công ty liên quan</i>		
Kirin Holding Company, Limited		
Công ty mẹ cấp cao nhất		
Vay ngắn hạn nhận được	4.000.000	19.000.000
Chuyển tiền khác	-	1.000.000
Chi phí lãi vay	379.403	116.443
Phí biệt phái nhân sự	418.592	94.838
Công ty Cổ phần Avafood		
Khoản vay ngắn hạn	1.184.890	3.296.619
Thu nhập lãi vay	143.845	511.388
Phí gia công chế biến	1.684.974	1.821.869
Phí thuê nhà máy và văn phòng	284.607	315.503
Bán nước giải khát	-	14.510
Trà thay	-	740.808
Tạm ứng cho Avafood	-	140.364
Kirin Holding Singapore Pte, Ltd.		
Hỗ trợ tài chính cho các hoạt động bán hàng	491.870	-
Công ty Nước giải khát Kirin Việt Nam		
Mua hàng hóa	826.266	-
Phí gia công	1.034.788	555.471

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

	Giá trị giao dịch	
	2012 USD	2011 USD
Ban Giám đốc và Hội đồng quản trị		
Phí biệt phái nhân sự	412.060	-
Tiền lương	62.621	322.917

30. Cam kết

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2012 USD	31/12/2011 USD
Trong vòng một năm	541.163	343.054
Trong vòng hai đến năm năm	1.512.040	1.148.730
Trên năm năm	834.814	1.129.722
	<u>2.888.017</u>	<u>2.621.506</u>

31. Sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Sau ngày kết thúc năm tài chính, vào ngày 1 tháng 3 năm 2013, Trade Ocean Holding Sdn. Bhd. và Wonderfarm Biscuits & Confectionery Sdn. Bhd., một cổ đông (“Bên cho vay”), phát hành một Chứng thư xóa nợ (“Chứng thư”) để từ bỏ khoản vay là 3.430.928 USD (“Khoản vay”) cấp cho Công ty theo hợp đồng vay ngày 28 tháng 2 năm 2011. Theo Chứng thư, các bên cho vay miễn trừ vô điều kiện các khoản vay của Công ty, mà không cần có bất kỳ sự giải trình hay bất kỳ sự đảm bảo nào và không có bất kỳ sự truy đòi nào (dù là quá khứ, hiện tại hoặc tương lai và dù là thực tế hoặc tiềm ẩn), từ bất kỳ và tất cả các nghĩa vụ để trả nợ vay cho Bên cho vay và miễn trừ cho Công ty khỏi các nghĩa vụ (bao gồm lãi vay) của tất cả các khía cạnh liên quan đến khoản vay.

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

32. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2012	2011
	USD	USD
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	28.886.760	31.172.708
Chi phí nhân công	4.712.606	3.830.003
Chi phí khấu hao	1.516.389	1.522.395
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.684.562	5.740.282
Chi phí khác	4.136.918	3.045.839

33. Điều chỉnh số liệu năm trước

Công ty đã điều chỉnh hồi tố các báo cáo tài chính của năm trước nhằm sửa đổi các sai sót liên quan đến việc ghi nhận thiếu dự phòng trợ cấp thôi việc.

Bảng cân đối kế toán

	31/12/2011		31/12/2011
	(đã báo cáo	Điều chỉnh	(điều chỉnh lại)
	trước đây)	USD	USD
	USD	USD	USD
Dự phòng trợ cấp thôi việc	122.802	82.500	205.302
Lỗi lũy kế	(14.065.399)	(82.500)	(14.147.899)

Ngày 29 tháng 3 năm 2013

Người lập:



Nguyễn Hồng Phong
Kế toán trưởng

Người duyệt:




Michio Nagabayashi
Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc

